

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

DỰ THẢO LẦN 1

KHUNG KIẾN TRÚC CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ VIỆT NAM, PHIÊN BẢN 3.0

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT, ngày / /2023 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG.....	3
I. MỤC ĐÍCH KHUNG KIẾN TRÚC CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ VIỆT NAM, PHIÊN BẢN 3.0.....	3
1. Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số	3
2. Hình thành và triển khai áp dụng đồng bộ hệ thống Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số từ Trung ương đến địa phương	3
II. PHẠM VI ÁP DỤNG KHUNG KIẾN TRÚC	3
III. NỘI DUNG KHUNG KIẾN TRÚC	3
1. Các nội dung cơ bản trong Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.....	4
2. Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số	5
CHƯƠNG 2. CÁC MÔ HÌNH THAM CHIẾU	6
I. MỤC ĐÍCH MÔ HÌNH THAM CHIẾU	6
II. CÁC MÔ HÌNH THAM CHIẾU CƠ BẢN.....	6
CHƯƠNG 3. SƠ ĐỒ KHÁI QUÁT CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ VIỆT NAM	7
I. SƠ ĐỒ KHÁI QUÁT CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ VIỆT NAM.....	7
II. MÔ TẢ CÁC THÀNH PHẦN.....	9
1. Người sử dụng	9
2. Kênh giao tiếp	9
3. Hạ tầng Kỹ thuật - công nghệ.....	9
4. An toàn thông tin	10
5. Chỉ đạo, chính sách	10
6. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	10
7. Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của các bộ, ngành, địa phương	10
8. Cổng Dịch vụ công quốc gia	10
9. Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	11
10. Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	11
11. Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ	11
12. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.....	12
13. Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	12
14. Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì xây dựng	12
14. Hệ thống giám sát và kiểm soát CPĐT, CPS.....	13
15. Hệ thống danh mục điện tử dùng chung	13
16. Nền tảng phát triển ứng dụng CPĐT, CPS.....	13

17. Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia.....	13
18. Các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin chuyên ngành, cổng dữ liệu mở, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác	17
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	20
I. TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG.....	20
II. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH CNTT CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	

Chương I

KHÁI QUÁT CHUNG

I. MỤC ĐÍCH KHUNG KIẾN TRÚC CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ VIỆT NAM, PHIÊN BẢN 3.0

1. Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Căn cứ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam phiên bản 3.0 (sau đây gọi tắt là Khung Kiến trúc), các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp Bộ; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số cấp Tỉnh phiên bản 3.0.

b) Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số (CPĐT, CPS) cấp Bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số cấp Tỉnh (CQĐT, CQS), phiên bản 3.0 được xây dựng trên cơ sở nâng cấp, cập nhật các nội dung từ phiên bản 2.0.

2. Hình thành và triển khai áp dụng đồng bộ hệ thống Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số từ Trung ương đến địa phương

Hình thành và triển khai áp dụng hiệu quả, chặt chẽ, đồng bộ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp Bộ; Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số cấp Tỉnh, phiên bản 3.0 với mục tiêu:

a) Tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, dùng chung các tài nguyên công nghệ thông tin trong mỗi cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với các cơ quan, tổ chức khác trên phạm vi toàn quốc; hướng tới tiết kiệm chi phí, thời gian trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước, cung cấp hiệu quả các dịch vụ tích hợp cho người dân và doanh nghiệp, coi người dân và doanh nghiệp là trung tâm;

b) Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư công nghệ thông tin; hướng tới triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số đồng bộ, lộ trình phù hợp, hạn chế trùng lặp;

c) Tăng cường khả năng chuẩn hóa, bảo đảm an toàn thông tin trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG KHUNG KIẾN TRÚC

Khung Kiến trúc được áp dụng tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các cơ quan, tổ chức khác có thể tham khảo để triển khai áp dụng.

III. NỘI DUNG KHUNG KIẾN TRÚC

1. Các nội dung cơ bản trong Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tầm nhìn: Xác định vị trí, vai trò của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số trong triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương.

b) Mục tiêu: Xác định các mục tiêu cụ thể của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo giai đoạn.

c) Phạm vi áp dụng: Xác định các đối tượng tuân thủ, áp dụng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

d) Nguyên tắc: Xác định các nguyên tắc cốt lõi phải tuân thủ khi xây dựng các nội dung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

đ) Sơ đồ tổng thể Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Sơ đồ mô tả tổng quan các thành phần cơ bản của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số và mối quan hệ giữa chúng.

e) Các thành phần của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Mô tả chi tiết các thành phần của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số trên các góc nhìn khác nhau và có mối quan hệ chặt chẽ, logic, thứ bậc với nhau. Nội dung các thành phần phải được xây dựng dựa trên các Mô hình tham chiếu tương ứng.

Các thành phần cơ bản của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số bao gồm:

- Kiến trúc nghiệp vụ;
- Kiến trúc dữ liệu;
- Kiến trúc ứng dụng;
- Kiến trúc công nghệ;
- Kiến trúc an toàn thông tin.

g) Tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số:

- Kế hoạch, lộ trình triển khai các nhiệm vụ: Trên cơ sở các nội dung của Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số xác định các nhiệm vụ cần triển khai để phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo lộ trình phù hợp, trong đó nêu rõ những giải pháp về nguồn lực để bảo đảm khả thi, hiệu quả đầu tư.

- Quản lý duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan để duy trì, cập nhật các phiên bản Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số; quản lý công cụ, hệ thống duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Quản lý tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc đôn đốc, giám sát, tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số để đạt các mục tiêu, nguyên tắc, nội dung

Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

2. Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Trong quá trình xây dựng, triển khai áp dụng các nội dung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

a) Phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan;

b) Phù hợp với định hướng, mục tiêu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của quốc gia;

c) Phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của bộ, ngành, địa phương;

d) Bảo đảm việc đầu tư triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số hiệu quả;

đ) Hướng tới Chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số trên cơ sở phù hợp với quy trình nghiệp vụ, thúc đẩy cải cách, đơn giản hóa, chuẩn hóa;

e) Ưu tiên phát triển các dịch vụ, ứng dụng, nền tảng dùng chung;

f) Áp dụng hiệu quả các công nghệ số mới; khai thác sử dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây theo lộ trình phù hợp;

g) Nền tảng là giải pháp đột phá, ưu tiên phát triển các dịch vụ, ứng dụng, nền tảng dùng chung; kết hợp mô hình triển khai tập trung và phân tán. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

h) Áp dụng hiệu quả các công nghệ số mới; sử dụng, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây và các công nghệ hiện đại khác của các mạng công nghệ 4.0 theo lộ trình phù hợp;

i) Triển khai các giải pháp bảo mật, an toàn, an ninh thông tin ở mọi thành phần Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo nhu cầu và lộ trình phù hợp;

k) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của quốc gia, chuyên ngành.

Chương II

CÁC MÔ HÌNH THAM CHIẾU

I. MỤC ĐÍCH MÔ HÌNH THAM CHIẾU

1. Mô hình tham chiếu là nội dung mà các bộ, ngành, địa phương tham chiếu trong quá trình xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số của mình.

2. Mô hình tham chiếu bao gồm danh mục các thành phần cơ bản đã được chuẩn hóa sẽ giúp cho việc xây dựng nội dung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số của các bộ, ngành, địa phương được đồng bộ, thống nhất, tăng khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng lại.

II. CÁC MÔ HÌNH THAM CHIẾU CƠ BẢN

1. Mô hình tham chiếu nghiệp vụ: Cung cấp một Khung chung mô tả các nghiệp vụ phổ biến của các cơ quan nhà nước, việc mô tả này độc lập với cấu trúc tổ chức của các cơ quan nhà nước và tạo điều kiện phối hợp giữa các cơ quan nhà nước khi cùng chung nhóm nghiệp vụ. Mô hình tham chiếu nghiệp vụ là cơ sở để xây dựng Kiến trúc nghiệp vụ. Mô hình tham chiếu nghiệp vụ chi tiết được mô tả trong *Phụ lục I*.

2. Mô hình tham chiếu dữ liệu: Cung cấp một Khung chung mô tả, phân loại các thành phần dữ liệu cơ bản của các cơ quan nhà nước dựa trên các nghiệp vụ, việc mô tả này độc lập với cấu trúc tổ chức của các cơ quan nhà nước và chỉ ra khả năng chia sẻ, sử dụng lại dữ liệu giữa các cơ quan. Mô hình tham chiếu dữ liệu là cơ sở để xây dựng Kiến trúc dữ liệu. Mô hình tham chiếu dữ liệu chi tiết được mô tả trong *Phụ lục II*.

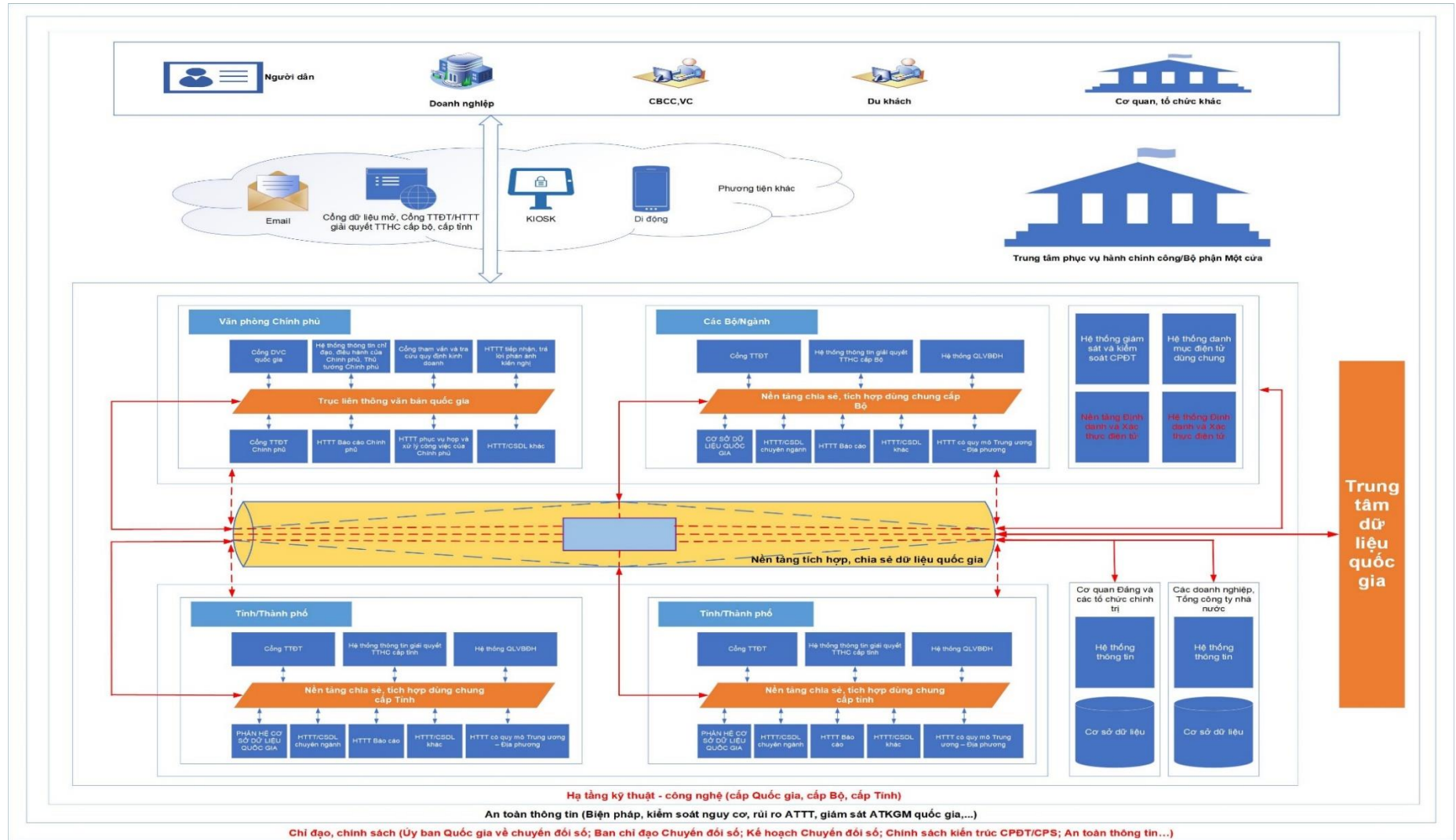
3. Mô hình tham chiếu ứng dụng: Cung cấp một Khung chung mô tả, phân loại các thành phần ứng dụng cơ bản phục vụ các mục tiêu nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước, việc mô tả này cho phép xác định các khả năng hợp nhất, tích hợp ứng dụng khi cùng cung cấp các dịch vụ cho nghiệp vụ. Mô hình tham chiếu ứng dụng là cơ sở để xây dựng Kiến trúc ứng dụng. Mô hình tham chiếu ứng dụng chi tiết được mô tả trong *Phụ lục III*.

4. Mô hình tham chiếu công nghệ: Cung cấp một Khung kỹ thuật phân loại các tiêu chuẩn và công nghệ để hỗ trợ và cho phép triển khai các thành phần ứng dụng. Mô hình tham chiếu công nghệ là cơ sở để xây dựng Kiến trúc công nghệ. Mô hình tham chiếu công nghệ chi tiết được mô tả trong *Phụ lục IV*.

5. Mô hình tham chiếu an toàn thông tin: Cung cấp một Khung mô tả các thành phần bảo đảm an toàn thông tin cần triển khai áp dụng khi phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số. Mô hình tham chiếu an toàn thông tin là cơ sở để xây dựng Kiến trúc an toàn thông tin. Mô hình tham chiếu an toàn thông tin chi tiết được mô tả trong *Phụ lục V*.

Chương III**SƠ ĐỒ KHÁI QUÁT CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ,
CHÍNH PHỦ SỐ VIỆT NAM****I. SƠ ĐỒ KHÁI QUÁT CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ
VIỆT NAM**

Sơ đồ khái quát CPĐT, CPS Việt Nam cung cấp bức tranh tổng thể về các thành phần chính trong CPĐT, CPS Việt Nam. Đây cũng là cơ sở để xây dựng, triển khai Kiến trúc CPĐT, CPS của các bộ, ngành, địa phương đồng bộ, hiệu quả, kết nối.



Ghi chú:

- — — — — Kết nối tập trung
- - - - - Kết nối trực tiếp theo mô hình phân tán
- ← - - - - → Khi nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của các Bộ, tỉnh chưa sẵn sàng

Sơ đồ khái quát CPĐT, CPS Việt Nam

II. MÔ TẢ CÁC THÀNH PHẦN

Dưới đây mô tả sơ bộ nội dung các thành phần chính trong Sơ đồ khái quát CPĐT, CPS Việt Nam. Nội dung chi tiết các thành phần này sẽ được các bộ, ngành, địa phương chủ trì mô tả trong Kiến trúc CPĐT, CPS của mình.

1. Người sử dụng

Là các tác nhân tham gia sử dụng dịch vụ CPĐT, CPS bao gồm: người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Kênh giao tiếp

Là môi trường, công cụ giúp Người sử dụng tương tác với các cơ quan nhà nước để sử dụng các dịch vụ CPĐT, CPS. Qua môi trường Internet, Người sử dụng có thể sử dụng các kênh giao tiếp sau: Cổng Dịch vụ công trực tuyến (ở quốc gia là Cổng Dịch vụ công quốc gia, ở các bộ, ngành, địa phương là các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, cấp Tỉnh), Cổng dữ liệu mở, Cổng/Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước thông qua giao diện Web (trang web) hoặc Mobile (điện thoại di động); Kiosk tra cứu thông tin. Ngoài môi trường Internet, Người sử dụng có thể sử dụng các kênh khác như thoại, SMS (tin nhắn) hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận một cửa,...

3. Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ

Thành phần này được các cơ quan nhà nước đầu tư triển khai ở cấp Quốc gia và cấp Bộ, cấp Tỉnh. Thành phần này bao gồm: Hạ tầng vận hành Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ; Hạ tầng công nghệ thông tin (Các thiết bị phần cứng như: Các loại máy chủ, các thiết bị lưu trữ, sao lưu, thiết bị mạng; các phần mềm hệ thống như: Nền tảng điện toán đám mây, phần mềm hệ thống, phần mềm lớp giữa...); hệ thống mạng kết nối; hệ thống máy tính trạm và thiết bị ngoại vi; các dịch vụ cơ sở hạ tầng; các dịch vụ quản lý cơ sở hạ tầng và các cơ sở vật chất cần thiết khác.

Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành để cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Trung tâm dữ liệu cấp Bộ, cấp Tỉnh do cơ quan nhà nước đầu tư phục vụ triển khai các phân hệ của hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu cấp quốc gia, các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu có quy mô từ Trung ương đến địa phương (do các Bộ, ngành chủ trì), các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc dùng chung, cung cấp dịch vụ CNTT cho người sử dụng, cho phép liên thông, tích hợp dữ liệu giữa các hệ thống thông tin nội bộ hoặc giữa Bộ/Tỉnh với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu khác bên ngoài theo phạm vi trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ/Tỉnh.

Về hạ tầng kỹ thuật mạng truyền dẫn, các hệ thống CPĐT sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng (MTSLCD) của các cơ quan Đảng, Nhà nước, kết hợp các hạ tầng mạng khác để kết nối, truyền tải thông tin, dữ liệu CPĐT.

Chính phủ khuyến khích các bộ, ngành, địa phương triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp.

Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. An toàn thông tin

Việc bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển CPĐT phải được triển khai cụ thể, thống nhất, đồng bộ giữa các thành phần trong Sơ đồ khái quát CPĐT, CPS Việt Nam. Hệ thống bảo đảm an toàn thông tin quy mô quốc gia bao gồm các hệ thống chính: Hệ thống hỗ trợ giám sát và phòng chống tấn công mạng vào các hệ thống CPĐT; Hệ thống tổng hợp, phân tích, chia sẻ và cảnh báo các mối đe dọa, nguy cơ về an toàn thông tin. Các hệ thống thành phần được kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia phục vụ hoạt động hỗ trợ giám sát và phòng chống tấn công mạng và điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

Việc thực thi bảo đảm an toàn thông tin cho các thành phần CPĐT cần được thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, được mô tả trong Mô hình tham chiếu an toàn thông tin - SRM.

5. Chỉ đạo, chính sách

Bao gồm công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức, hướng dẫn, đào tạo, môi trường pháp lý, truyền thông nhằm bảo đảm các điều kiện triển khai các hệ thống thông tin của CPĐT.

6. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai với mục tiêu tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo hình thức kết nối tập trung và hình thức kết nối trực tiếp theo mô hình phân tán.

7. Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của các bộ, ngành, địa phương

Nền tảng này để chia sẻ, tích hợp các hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) trong nội bộ các bộ, ngành, địa phương và giữa các bộ, ngành, địa phương với nhau qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

8. Công Dịch vụ công quốc gia

Công Dịch vụ công quốc gia được xây dựng với mục tiêu: Nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công của các cơ quan nhà nước, bảo đảm phục

vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ giấy, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính; thúc đẩy cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin; cải thiện vị trí của Việt Nam về chỉ số dịch vụ công trực tuyến trong chỉ số phát triển Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên hợp quốc.

Công Dịch vụ công quốc gia được tích hợp kết nối chia sẻ thông tin với Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Công Dịch vụ công quốc gia được thực hiện theo Quyết định số 247/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9. Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dựa trên số liệu thu thập từ các bộ, ngành, địa phương cung cấp thông tin, hỗ trợ đắc lực cho quá trình chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

10. Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ

Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ được xây dựng hướng tới mục tiêu: Đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; Bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; Giảm gánh nặng hành chính trong tuân thủ chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tiết kiệm thời gian, nhân lực thực hiện; Hệ thống báo cáo phải đồng bộ, thống nhất, bảo đảm cung cấp và truyền dẫn thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, an toàn, phục vụ thiết thực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; đồng thời, giảm tải gánh nặng hành chính trong tuân thủ chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Về phạm vi, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ triển khai trong phạm vi toàn quốc, kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, địa phương để hình thành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Thiết lập Trung tâm chỉ đạo, điều hành được xây dựng để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua các thông tin về tình hình biến động các chỉ số kinh tế - xã hội được hiển thị trực quan trên các màn hình điện tử; quản lý, giám sát, hỗ trợ hoạt động của Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ cũng như hoạt động của các Hệ thống thông tin báo cáo bộ, ngành, địa phương.

11. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ

Hệ thống được xây dựng với mục tiêu: đổi mới phương thức làm việc của Chính phủ trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ CNTT, hướng tới Chính phủ không giấy tờ, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Thành viên Chính phủ; tạo sự lan tỏa quyết tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng CPĐT.

Hệ thống được triển khai phục vụ các phiên họp Chính phủ và xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

12. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

Hệ thống được xây dựng với mục tiêu: Nâng cao hiệu quả tham vấn dự thảo chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, thu hút sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng chính sách theo hướng đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện chính sách; tăng cường sự tương tác, công khai, minh bạch trong hoạt động tham vấn dự thảo chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, và hình thành hệ quản lý tri thức tham vấn. Hỗ trợ theo dõi chính sách, văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành.

Hệ thống phục vụ việc dự thảo, lấy ý kiến, tham gia ý kiến, hỗ trợ thẩm định đối với các dự thảo chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xây dựng, ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành.

13. Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Xây dựng hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phục vụ các hệ thống chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Văn phòng Chính phủ là đầu mối thực hiện bao gồm Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các trang thành phần; Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các hệ thống thông tin khác.

14. Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì xây dựng

Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do nhà nước giao Bộ Công an chủ trì xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành; để phục vụ tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước nhằm hình thành kho dữ liệu lớn về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, đảm bảo quốc phòng an ninh. Đồng thời cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị -

xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

15. Hệ thống giám sát và kiểm soát CPĐT, CPS

Hệ thống này để triển khai các giải pháp và công cụ hỗ trợ giám sát việc vận hành, sử dụng hệ thống thông tin một cách hiệu quả, việc tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và giám sát chất lượng dịch vụ của các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia nhằm bảo đảm các hệ thống hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối thông suốt.

16. Hệ thống danh mục điện tử dùng chung

Hệ thống được xây dựng nhằm quản lý, cung cấp dữ liệu danh mục dùng chung ở dạng điện tử của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (như: Định danh các cơ quan nhà nước, mã đơn vị hành chính, mã quốc gia, mã quốc tịch, mã tôn giáo, mã ngành đào tạo, mã ngành nghề kinh doanh,...) phục vụ việc quản lý, kết nối và chia sẻ một cách thống nhất trong toàn quốc.

17. Nền tảng phát triển ứng dụng CPĐT, CPS

Nền tảng được xây dựng với mục tiêu nâng cao chất lượng của các dịch vụ CPĐT, CPS bảo đảm hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT, tiêu chuẩn hóa, sử dụng lại các thành phần phần mềm ứng dụng, các dịch vụ phần mềm đồng thời tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ đối với các hệ thống thông tin thông qua việc thiết lập và áp dụng khung tiêu chuẩn chung phát triển ứng dụng hướng tới cung cấp nền tảng ứng dụng như một dịch vụ (PaaS). Bên cạnh đó, nền tảng phát triển ứng dụng CPĐT, CPS còn góp phần tạo sự tin cậy, tăng cường và đồng bộ công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các ứng dụng, dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước cũng như cung cấp các ứng dụng, dịch vụ này ra xã hội.

Nền tảng phát triển ứng dụng CPĐT, CPS áp dụng trong xây dựng các hệ thống thông tin và ứng dụng trong các cơ quan nhà nước.

18. Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia

Phần này mô tả sơ bộ một số CSDL, HTTT quốc gia. Nội dung chi tiết về yêu cầu kỹ thuật, mô hình giải pháp, kết nối sẽ được các bộ, ngành mô tả khi xây dựng Kiến trúc CPĐT của các bộ, ngành và triển khai từng CSDL, HTTT cụ thể.

a) CSDL quốc gia về Dân cư

Mục tiêu cơ bản của việc xây dựng CSDL quốc gia về Dân cư là để quản lý thống nhất trên toàn quốc thông tin cơ bản của công dân Việt Nam được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin, phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tăng cường chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước khác trên cơ sở lấy dữ liệu dân cư làm gốc, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm giấy tờ khi thực hiện các dịch vụ công.

b) CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp

Mục tiêu cơ bản của việc xây dựng CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp là cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đăng ký doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khởi sự doanh nghiệp và gia nhập thị trường; Hướng tới mục tiêu 100% đăng ký doanh nghiệp qua mạng; Chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ, công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, hạn chế tối đa sự can thiệp của con người trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; Công khai hóa, minh bạch hóa thông tin đăng ký doanh nghiệp giúp cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận được với các thông tin có giá trị và có tính pháp lý về đăng ký doanh nghiệp; Tăng cường chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước khác trên cơ sở lấy dữ liệu đăng ký kinh doanh làm gốc.

c) CSDL quốc gia về Tài chính

Xây dựng CSDL quốc gia về Tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu về tiếp cận, khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ cho công tác xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, quản lý và điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế. CSDL quốc gia về Tài chính là cốt lõi, trung tâm của Hệ thống thông tin tài chính quốc gia. Thông tin dữ liệu trong CSDL quốc gia về Tài chính sẽ là kho thông tin tri thức được quản lý và khai thác hiệu quả.

d) CSDL quốc gia về Bảo hiểm

CSDL quốc gia về Bảo hiểm được xây dựng để lưu trữ, quản lý dữ liệu ngành Bảo hiểm bảo đảm tính chính xác, hướng tập trung; dữ liệu được cập nhật đầy đủ bởi các đối tượng, đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Các hệ thống khác có thể kết nối, tích hợp chia sẻ thông tin với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

e) CSDL Đất đai quốc gia

CSDL Đất đai quốc gia (cơ sở dữ liệu đất đai từ Trung ương tới địa phương) phục vụ quản lý đất đai tại các cấp, cung cấp các dịch vụ công về đất đai, chia sẻ thông tin đất đai với các ngành khác. Việc triển khai được thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

f) CSDL quốc gia về thủ tục hành chính

Mục tiêu của CSDL quốc gia về thủ tục hành chính là cung cấp, công khai thông tin cho người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính trong phạm vi toàn quốc; Cung cấp cho các bộ, ngành, địa phương công cụ để cập nhật (thêm mới, sửa đổi, thay thế, hủy bỏ) các quyết định công bố, thủ tục hành chính; Cung cấp công cụ phục vụ việc kiểm soát thủ tục hành chính tại Trung ương và các bộ, ngành, địa phương; từ đó đề xuất các phương án cải cách thủ tục hành chính, tạo

điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

CSDL quốc gia về thủ tục hành chính là một hợp phần quan trọng của Công Dịch vụ công quốc gia.

g) CSDL quốc gia về An sinh xã hội

Xây dựng CSDL quốc gia về An sinh xã hội có mục tiêu là ứng dụng CNTT trong đăng ký, giải quyết chính sách, chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội kịp thời, công khai và minh bạch.

h) CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc

Xây dựng CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc theo hướng hình thành Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch với sự quản lý tập trung, thống nhất, có sự phân cấp, phân quyền hợp lý cho Ủy ban nhân dân các cấp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin vào đăng ký, quản lý hộ tịch với cấu trúc chuẩn chung tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch, đáp ứng tốt nhất yêu cầu đăng ký, quản lý hộ tịch theo Luật Hộ tịch và giải quyết thủ tục hành chính trong đăng ký hộ tịch trực tuyến, có khả năng kết nối để cung cấp thông tin hộ tịch cho CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL chuyên ngành khác có liên quan.

i) CSDL quốc gia về Tài nguyên và môi trường

Xây dựng CSDL quốc gia về Tài nguyên và môi trường với mục tiêu là tạo ra các dịch vụ nền tảng dùng chung cho toàn hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thống nhất từ Trung ương đến địa phương nhằm khai thác, phân tích xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ và bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; xây dựng ngành tài nguyên và môi trường số, tạo ra các giá trị góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

k) CSDL về cán bộ, công chức, viên chức

Nhằm thực hiện xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng và lưu trữ CSDL cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống cơ quan nhà nước các cấp đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với các CSDL quốc gia ở các lĩnh vực khác, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử. Góp phần minh bạch hóa quy trình quản lý cán bộ, công chức, viên chức; là một trong những công cụ có hiệu quả để phòng, chống tham nhũng trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

l) CSDL quốc gia về quy hoạch

Xây dựng CSDL quốc gia về quy hoạch với mục tiêu: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc chia sẻ, quản lý và cập nhật thông tin và dữ liệu quốc gia về quy hoạch nhằm bảo đảm tính tích hợp, thống nhất của sản phẩm quy hoạch tránh lãng

phí trong thu thập, xử lý dữ liệu; Phục vụ việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của các bộ, ngành và địa phương; Phục vụ cho việc giám sát, đánh giá các hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch; Tăng tính công khai, minh bạch và phục vụ việc xúc tiến đầu tư trong tương lai và là kênh thông tin để công bố quy hoạch.

m) CSDL quốc gia về các dự án đầu tư

Xây dựng CSDL quốc gia về các dự án đầu tư nhằm hỗ trợ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; Hỗ trợ công tác quản lý, lập kế hoạch, tổng hợp, rà soát và giao kế hoạch đầu tư công; Công khai, minh bạch hóa thông tin về đầu tư công, các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

n) Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Hệ thống được xây dựng có mục tiêu là thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng.

o) Kho dữ liệu về con người

Kho dữ liệu về con người với dữ liệu được Bộ Công an tổng hợp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương trong các lĩnh vực xã hội; từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung và kho dữ liệu mở.

- Dữ liệu về con người bao gồm tối thiểu các thành phần:

+ Dữ liệu định danh cá nhân công dân: bao gồm các loại giấy tờ tùy thân; thông tin cá nhân (địa chỉ, ngày sinh); dữ liệu y tế; dữ liệu sinh trắc; dữ liệu ADN; dữ liệu việc làm, dữ liệu học bạ cá nhân, ...

+ Dữ liệu được thu thập từ kết quả tổng hợp, phân tích và khai thác dữ liệu của công dân.

- Dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương vẫn được lưu trữ, xử lý tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương theo yêu cầu riêng, phục vụ các mặt công tác quản lý nhà nước của các đơn vị.

p) Kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia

Kho dữ liệu lớn tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia hay còn gọi là Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các trường thông tin được đồng bộ từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia (chỉ có các trường thông tin, không bao gồm dữ liệu cấu hình, dữ liệu nhật ký hệ thống) và các trường thông tin liên quan đến con người từ các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương, cơ sở dữ liệu khác về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng các kho dữ liệu dùng chung (chỉ có các trường thông tin liên quan đến các hoạt động của một con người, không bao gồm các thông tin chuyên ngành mô tả thuộc tính).

q) Nền tảng định danh và xác thực điện tử

Nền tảng định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin do Bộ Công an tổ chức xây dựng, vận hành, quản lý để phục vụ việc trao đổi thông tin giữa hệ thống định danh và xác thực điện tử với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức, cá nhân.

r) Hệ thống định danh và xác thực điện tử

Hệ thống định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin do Bộ Công an xây dựng, quản lý để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử. Hệ thống này xử lý các yêu cầu đăng ký, cấp, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử.

Các bộ, ngành, địa phương kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Các bộ, ngành, địa phương kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành, làm giàu dữ liệu dân cư.

Việc kết nối giữa CSDLQG về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử với các Bộ, ngành, địa phương sẽ được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Ngoài các CSDL, hệ thống thông tin mô tả ở trên, trong quá trình phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, các bộ, ngành tiếp tục nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Bộ Chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ các CSDL/HTTT cấp quốc gia, các CSDL/HTTT được triển khai từ Trung ương đến địa phương cần được xây dựng đáp ứng nhu cầu thực tế của các bộ, ngành, địa phương. Các CSDL/HTTT cấp quốc gia, các CSDL/HTTT được triển khai từ Trung ương sẽ được Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành chủ trì xây dựng, quản lý công bố công khai theo quy định pháp luật.

19. Các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin chuyên ngành, cổng dữ liệu mở, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác

a) Các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin chuyên ngành

Các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin chuyên ngành là các hệ thống được xây dựng, phát triển để phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng, quản lý, xử lý các yêu cầu nghiệp vụ chuyên ngành theo phạm vi, trách nhiệm quản lý nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành, địa phương với đối tượng phục vụ là các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước và công dân, doanh nghiệp, tổ chức...

b) Hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến

địa phương

Hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương là các hệ thống được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin từ các cơ quan, tổ chức ở Trung ương đến các cơ quan, tổ chức ở địa phương trong cùng một lĩnh vực như: Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch, Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách...

c) Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, địa phương

Là hệ thống được xây dựng để cho phép thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính tại bộ, ngành, địa phương nhằm đơn giản hóa các chế độ báo cáo; Bảo đảm cung cấp thông tin báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời; bảo đảm các quy trình gửi nhận, liên thông báo cáo trong cùng hệ thống và giữa các hệ thống báo cáo khác nhau; Tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo bộ, ngành, địa phương, đồng thời giảm tải gánh nặng hành chính bằng cách tuân thủ các chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước.

d) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương

Là hệ thống được xây dựng để cho phép thống nhất và tin học hóa các quy trình hoạt động tác nghiệp, các hình thức tiếp nhận, lưu trữ, trao đổi, tìm kiếm, xử lý thông tin, giải quyết công việc trong các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, hoạt động tác nghiệp của cán bộ, công chức; Tăng cường sử dụng văn bản điện tử thay thế văn bản giấy trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

e) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, cấp Tỉnh

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, cấp Tỉnh là hệ thống thông tin được xây dựng tập trung, thống nhất, tạo thành trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Bộ, cấp Tỉnh để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp.

f) Phân hệ cơ sở dữ liệu quốc gia tại các địa phương

Phân hệ CSDL quốc gia là thành phần của CSDL quốc gia do các bộ, ngành ở Trung ương triển khai. Không phải tất cả các CSDL quốc gia đều có thành phần này mà phụ thuộc mô hình triển khai của từng CSDL quốc gia. Thành phần này do các bộ, ngành hoặc địa phương triển khai bảo đảm đồng bộ, thống nhất với CSDL quốc gia do bộ, ngành triển khai.

g) Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở

Kho dữ liệu dùng chung là một thành phần rất quan trọng trong quá trình phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số. Hệ thống thông tin này cho phép tích hợp với các nguồn dữ liệu hiện có, hỗ trợ chuyển đổi dữ liệu từ các hệ thống thông tin/ CSDL khác nhau; hỗ trợ trích xuất, làm sạch, kiểm tra xác minh dữ liệu, chuẩn hóa, củng cố dữ liệu, nhập dữ liệu vào các CSDL; hỗ trợ chuyển đổi dữ liệu theo cấu trúc, lưu trữ tập trung, phân loại, xếp loại và lập danh mục dữ liệu. Dữ liệu trong kho dữ liệu được quản lý, điều phối, phân phối, bảo đảm toàn vẹn thống nhất để đáp ứng các yêu cầu, nhu cầu chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các bộ, ngành, địa phương hoặc giữa các bộ, ngành, địa phương với nhau, tăng cường hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành, báo cáo, ra quyết định của lãnh đạo các cấp.

h) Cổng dữ liệu mở

Cổng dữ liệu mở được xây dựng có vai trò là điểm đầu mối công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước.

Ngoài các CSDL, hệ thống thông tin mô tả ở trên, còn có CSDL, hệ thống thông tin khác cần được xây dựng đáp ứng nhu cầu thực tế của các bộ, ngành, địa phương ví dụ các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu/ kho dữ liệu dùng chung... Các CSDL, hệ thống thông tin sẽ được mô tả chi tiết trong Kiến trúc CPĐT, CPS cấp Bộ, Kiến trúc CQĐT, CQS cấp Tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Chuyển đổi số quốc gia) có trách nhiệm chủ trì triển khai Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 3.0, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 3.0.

2. Hướng dẫn xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp Bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp Tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 3.0; cho ý kiến góp ý đối với Dự thảo Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp Bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp Tỉnh.

3. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình, mẫu, công cụ, hệ thống quản lý Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số để hỗ trợ quản lý phát triển Chính phủ điện tử.

4. Kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, áp dụng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số của các bộ, ngành, địa phương; kịp thời đề xuất điều chỉnh, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam phù hợp với nhu cầu thực tế.

6. Đào tạo, tập huấn, giải thích, hướng dẫn cho các bộ, ngành, địa phương về xây dựng, triển khai, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

7. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH CNTT CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp Bộ (đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ), Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính phủ số cấp Tỉnh (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 3.0 trình Bộ trưởng/Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt; sau khi phê duyệt gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, theo dõi, đôn đốc.

2. Xây dựng, cập nhật các chương trình, kế hoạch về ứng dụng công nghệ

thông tin, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để bảo đảm đồng bộ, tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam; Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp Bộ; Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính phủ số cấp Tỉnh.

3. Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo, hướng dẫn triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

4. Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc áp dụng, tuân thủ các nội dung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số khi triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử.

5. Đề xuất các cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng, duy trì, tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.